

Bản án số: 30/2023/HS-PT

Ngày: 19-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đề

Ông Nguyễn Văn Mến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2023/HSPT, ngày 09/5/2023 đối với bị cáo Bùi Thành Th, Trần Hữu A, Lê Văn G. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS – ST, ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thành Th; Sinh ngày 01/01/1989 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hoá: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Con ông Bùi Thành N, sinh năm 1956 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1961. Có vợ và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 18/4/2022, bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh quyết định xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi “có ý gây thương tích” (theo Quyết định số 1238/QĐ-XPHC). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 11 năm 2022 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Hữu A; Sinh ngày 01/01/1971 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Trần Văn L (chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1937. Bị cáo không có vợ, con; Tiền án: có 01 tiền án, ngày 11/4/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án số 30/2016/HSPT); bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 29/4/2021; tiền sự:

Không. Bị cáo bị áp bắt tạm giam từ ngày 08 tháng 8 năm 2022 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu A: Luật sư Nguyễn Thanh H Văn phòng Luật sư Thanh H thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3. Lê Văn G; Sinh ngày 01/01/1988 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn V, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1957; có vợ chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 9 năm 2022 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Trọng T do không có kháng cáo, không có kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2022, Nguyễn Văn L sinh năm 1993, cư trú Khóm K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; hiện nay L đã chết) đến nhà của bị cáo Bùi Thành Th do bị cáo Th thuê tại Khóm Z, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh chơi, L gửi bị cáo Th cất giữ (tàng trữ) 01 khẩu súng ngắn, thân súng màu đen, có chữ “PYTHON”, có ổ chứa đạn hình tròn, có 06 lỗ tròn để chứa đạn và 05 viên đạn có thân bằng kim loại màu vàng, đầu đạn bằng kim loại màu xám đen. Trong khoảng thời gian tàng trữ, do bị cáo Th tháo khẩu súng vài lần và thấy bộ phận búa đập bị lỏng, nên bị cáo Th đã một lần đem khẩu súng, đạn đến cho Lê Anh O (tên gọi khác là V, sinh năm 1982, cư trú Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh) xem và nhờ O sửa, O không sửa được, nên bị cáo Th đem về nhà tiếp tục tàng trữ. Cũng trong thời gian bị cáo Th tàng trữ khẩu súng và đạn nêu trên, thì bị cáo Trần Hữu A có từng đến chỗ ở của bị cáo Th chơi nên biết và bị cáo A cũng có lấy súng, đạn ra xem xong cất lại vị trí cũ. Sau đó vài tháng, khoảng 16 đến 17 giờ (không rõ ngày) tại phòng số 4, quán karaoke Q, địa chỉ Khóm G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Bùi Thành Th thỏa thuận bán khẩu súng ngắn và 05 viên đạn nêu trên cho bị cáo Trần Hữu A với giá là 5.000.000 đồng, nhưng bị cáo A chỉ có 3.500.000 đồng, nên bị cáo Th đồng ý bán cho bị cáo A với giá 3.500.000 đồng, bị cáo Th đã nhận đủ tiền từ bị cáo A. Việc thỏa thuận, mua bán súng, đạn giữa bị cáo Th với bị cáo A có bị cáo Nguyễn Trọng T trực tiếp nghe, thấy. Sau đó, bị cáo Bùi Thành Th đưa chìa khóa nhà, chìa khóa xe mô tô của bị cáo Th cho bị cáo T dẫn bị cáo Trần Hữu A đến nhà của bị cáo Th thuê để lấy khẩu súng và đạn nêu trên đưa cho bị cáo A. Nhận được súng và đạn từ bị cáo T đưa xong, bị cáo A đem về nhà tàng trữ (cất giấu) trên kệ để ti vi trong phòng ngủ tại Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian tàng trữ, theo lời khai của bị cáo A thì bị cáo đã sử dụng súng 01 lần bắn con chó, nhưng súng bắn đạn không nổ.

Đến khoảng 15 giờ ngày 22/5/2022, tại phòng số 2 quán karaoke Q, địa chỉ Khóm G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Trần Hữu A thỏa thuận, bán khẩu súng ngắn, 05 viên đạn trên cho bị cáo Lê Văn G với giá 5.000.000 đồng, bị cáo A đã nhận đủ tiền từ bị cáo G. Việc thỏa thuận giao dịch, mua bán súng, đạn giữa hai bị cáo chỉ có hai bị cáo biết.

Khoảng 14 giờ ngày 25/5/2022, bị cáo Nguyễn Trọng T vào nhậu tại phòng số 6, quán karaoke G, địa chỉ Khóm G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng với một số người bạn, trong đó có Cao Quốc H (sinh năm 2004, trú tại Khóm U, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh) và Lê Anh O (V). Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Lê Văn G vào phòng số 6 uống giao lưu vài ly bia. Sau đó, bị cáo G đến ngồi cạnh bị cáo Nguyễn Trọng T và nói với bị cáo T là bị cáo G đã có mua súng, đạn của bị cáo Trần Hữu A với giá 5.000.000 đồng mà xài không được do súng bị hư, nên bị cáo G kêu bị cáo T đem trả súng, đạn lại cho bị cáo A và lấy lại số tiền đã mua. Bị cáo Nguyễn Trọng T nói nếu trả và lấy lại được tiền thì cho bị cáo T 2.000.000 đồng, thì bị cáo G đồng ý. Lúc bị cáo T và bị cáo G trao đổi chuyện về súng, đạn thì có Lê Anh O (V) ngồi kế bên và có nghe cuộc trao đổi giữa bị cáo T với bị cáo G. Sau đó, bị cáo Nguyễn Trọng T hỏi mượn xe của Cao Quốc H là đi công chuyện một chút (không nói rõ đem súng đi trả giúp bị cáo G). Cao Quốc H đưa chìa khóa xe cho bị cáo Nguyễn Trọng T.

Sau khi bị cáo Nguyễn Trọng T nhận chìa khóa xe của Cao Quốc H, bị cáo T và bị cáo Lê Văn G rời khỏi phòng số 6 đến khu vực bãi đậu xe trước phòng số 6 cách khoảng 4 mét, bị cáo G lấy từ trong cốp xe của bị cáo (xe hiệu NOUVO màu đỏ không rõ biển số) ra 01 khẩu súng ngắn màu đen đưa cho bị cáo T. Bị cáo T lấy súng, đạn cất giấu trong cốp xe Wave màu đen, biển số 84B1-767.62 mượn của H; xong, bị cáo T điều khiển xe đi đến nhà của bị cáo Trần Hữu A để trả lại súng, đạn nhưng không gặp bị cáo A nên bị cáo T điều khiển xe để quay trở lại quán G. Nhưng khi đến khu vực Khóm G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, lúc này là 16 giờ 30 phút cùng ngày (ngày 25/5/2022) thì cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang bị cáo T đang cất giấu tang vật gồm 01 khẩu súng ngắn và 05 viên đạn kể trên trong cốp xe mô tô biển số 84B1-767.62

Tại Kết luận giám định số 3201/KL-KTHS ngày 15/6/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an (bút lục số 23) kết luận 01 khẩu súng ngắn, thân súng màu đen, có chữ “PYTHON”, có ổ chứa đạn hình tròn, có 06 lỗ tròn để chứa đạn “là súng chế tạo thủ công, có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng”; 05 viên đạn có thân bằng kim loại màu vàng, đầu đạn bằng kim loại màu xám đen “là đạn thể thao cỡ (5,6 x 15) mm, chưa bắn, sử dụng được cho khẩu súng nêu trên và không phải là đạn quân dụng”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS – ST, ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã xét xử.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, bị cáo Lê Văn G phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thành Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/11/2022. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thành Th từ 15.000.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hữu A 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/8/2022. Phạt bổ sung bị cáo Trần Hữu A 15.000.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 304; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn G 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/9/2022. Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn G 10.000.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, xử lý vật chứng, án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/4/2023 bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Lê Văn G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Lê Văn G thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo không kêu oan và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, bị cáo Lê Văn G phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Hữu A có cung cấp tình tiết giảm nhẹ: gia đình có người thân có công với cách mạng, phải nuôi mẹ già, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Văn G tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thật thà khai báo, ăn năn hối cải nên tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, vì vậy đề nghị áp dụng cho bị cáo A tình tiết giảm nhẹ khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo G tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo cũng không làm thay đổi mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Bùi Thành Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Trần Hữu A 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Lê Văn G bị cáo 03 (ba) năm tù và phạt bổ sung bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A mỗi bị cáo 15.000.000 đồng và bị cáo Lê Văn G 10.000.000 đồng là đã đáp ứng yêu cầu phục vụ chính trị tại địa phương và đã giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bởi vì khung hình phạt các bị cáo bị truy tố từ 01 năm đến 07 năm tù. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Lê Văn G, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu A:* Vị hoàn toàn thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo A, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là chưa đầy đủ, vì bị cáo A có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: như gia đình bị cáo có người thân có công với cách mạng, phải nuôi mẹ già, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tác động gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính, nộp tiền án phí sơ thẩm và nộp một phần hình phạt bổ sung, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Hữu A 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù là quá nghiêm khắc đối với bị cáo, bởi vì bị cáo không biết đây là vũ khí quân dụng. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Hữu A.

Lời nói sau cùng của bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Lê Văn G Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo là còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Lê Văn G thừa nhận: Đầu năm 2022, Nguyễn Văn L cư trú Khóm K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, hiện nay L đã chết đến nhà của bị cáo Bùi Thành Th gửi bị cáo Th cất giữ (tàng trữ) 01 khẩu súng ngắn, thân súng màu đen, có chữ “PYTHON”, có ổ chứa đạn hình tròn, có 06 lỗ tròn để chứa đạn và 05 viên đạn có thân bằng kim loại màu vàng, đầu đạn bằng kim loại màu xám đen. Sau đó bị cáo Bùi Thành Th bán khẩu súng ngắn và 05 viên đạn nêu trên cho bị cáo Trần Hữu A với giá 3.500.000 đồng. Sau đó, bị cáo Trần Hữu A bán

khẩu súng ngắn, 05 viên đạn trên cho bị cáo Lê Văn G với giá 5.000.000 đồng, nhưng bị cáo G cho rằng súng hư nên nhờ bị cáo T đem trả lại cho bị cáo A thì bị bắt. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo cũng xác định lời khai tại Cơ quan điều tra do bị cáo tự khai, tự trình bày và xác định là khai đúng không bị ép buộc hay dùng nhục hình, do đó có đủ cơ sở xác định lời khai của bị cáo là khách quan và cũng phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và phù hợp với vật chứng thu giữ, các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình điều tra thu thập. Do đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, bị cáo Lê Văn G phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong việc độc quyền quản lý vũ khí quân dụng, hành vi tàng trữ mua bán, vũ khí quân dụng của các bị cáo còn đe dọa đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, các bị cáo đều nhận thức được vũ khí quân dụng nếu không được sự cho phép của Nhà nước thì bất cứ ai cũng không được phép tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc sử dụng vũ khí quân dụng, đều đó có nguy cơ rất cao về trật tự an ninh, an toàn xã hội, hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc sử dụng vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Bùi Thành Th cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh, đối với bị cáo Trần Hữu A trong quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định gia đình bị cáo có công với cách mạng nhưng trong phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là thiếu sót, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng, bổ sung cho bị cáo như: gia đình có công với cách mạng, phải nuôi mẹ già làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Văn G trong quá trình điều tra truy tố và xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thật thà khai báo, ăn năn hối cải nhiều lời khai quanh co chối tội nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã thừa nhận hành vi mua súng của bị cáo Trần Hữu A, sau đó nhờ bị cáo T đem súng và 5 viên đạn trả cho bị cáo A thì bị bắt, như vậy tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử cần áp dụng cho bị cáo G tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo A và bị cáo G được áp dụng bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đối chiếu với hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo đã xem xét, đánh giá toàn diện khách quan vụ án và nhân thân của từng bị cáo. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Bùi Thành Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Trần Hữu A 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo 03 (ba) năm tù và phạt bổ sung bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu

A mỗi bị cáo 15.000.000 đồng và bị cáo Lê Văn G 10.000.000 đồng đã đáp ứng được việc phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm xảy ra từ việc tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm phù hợp với tình tiết khách quan vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu A đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định pháp luật, tuy nhiên người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A là không đủ căn cứ trong việc phòng ngừa ngăn chặn tội phạm xảy ra từ việc tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Lê Văn G không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Lê Văn G.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS – ST, ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, bị cáo Lê Văn G phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Thành Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/11/2022. Phạt bổ sung 15.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm

2017. Xử phạt bị cáo Trần Hữu A 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/8/2022. Phạt bổ sung 15.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 304; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn G 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/9/2022. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Thành Th, bị cáo Trần Hữu A, bị cáo Lê Văn G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành